

## CHỨC NĂNG TU TỬ CỦA TỬ TRÁI NGHĨA TRONG CÁC TÁC PHẨM VĂN HỌC NGA THẾ KỶ XIX

Nguyễn Thị Hoài Nhân<sup>(\*)</sup>

### 1. Đặt vấn đề

#### 1.1. Các nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ XIX và sáng tác của họ

Nền văn học Nga thế kỷ XIX là một nền văn học nổi tiếng thế giới bởi nó rất phong phú về thể loại và có nhiều kiệt tác bất hủ. Hiện tượng văn học lớn nhất, chủ đạo nhất của văn học Nga giai đoạn này là các sáng tác của Puskin. Với tư cách là một nhà thơ, Puskin đã để lại những sáng tác bất hủ, mẫu mực của thơ trữ tình chính trị, tình yêu và trữ tình phong cảnh trong những thể loại, hình thức đa dạng nhất. Với tư cách là một nhà văn, ông đã sử dụng các thể loại truyện dài, truyện ngắn, tiểu thuyết để phản ánh những vấn đề chính trị - xã hội gay gắt và đồng thời cũng là những vấn đề gốc rễ, cốt lõi của thời đại mình. Đó là những nhân vật điển hình mang đậm những cá tính trong những tác phẩm *Người tù Capcador*, *Những người Digan*, trong tiểu thuyết bằng thơ *Épghêni Ônhêgin*; là sự chuyên chế của giai cấp thống trị và hình ảnh nhân dân trong vở kịch lịch sử *Bôrix Gôđunốp*. Những vấn đề cốt lõi khác của thực tế nước Nga lúc bấy giờ như số phận "con người bé nhỏ", những mâu thuẫn xã hội và nhân phẩm v.v... đã được phản ánh trong *Những mẫu chuyện của ông Belkin*.

Người kế tục sự nghiệp sáng tạo của Puskin là Léc-môn-tốp. Cũng như Puskin, Léc-môn-tốp viết nhiều bài thơ có chủ đề về

sự cô đơn, tự do, tình yêu và thiên nhiên. Ngoài thơ trữ tình, ông còn viết những tác phẩm như tiểu thuyết *Anh hùng thời đại*. Trong tiểu thuyết này, ông đã tạo nên một nhân cách mang tính xã hội điển hình của những người quý tộc Nga sau thất bại của các chiến sĩ cách mạng Tháng Chạp chống lại Sa hoàng. Ngoài ra, cần phải kể đến các trường ca *Con quý* và *Mtxitri*. Trong những trường ca này, Léc-môn-tốp đã tập trung đề cập đến những vấn đề cơ bản của thời đại lúc đó: Khát vọng tìm kiếm lý tưởng, lời kêu gọi vươn tới tự do, sự phản kháng chống lại sự áp bức ngột ngạt.

Với tác phẩm *Anh hùng thời đại*, Léc-môn-tốp đã khẳng định chủ nghĩa hiện thực trong văn học. Với *Những linh hồn chết*, Gô-gôn đã đánh dấu sự chiến thắng hoàn toàn của chủ nghĩa hiện thực phê phán. Trong tác phẩm này, Gô-gôn đã vạch trần sự thật kinh khủng của chế độ nông nô - đó là sự sa sút về tinh thần và là hiện tượng quái thai về đạo đức của giai cấp địa chủ. Ngoài ra, ông còn viết những tác phẩm *Những buổi tối ở làng gần Đicanki*, vở hài kịch *Quan thanh tra* và *Những câu chuyện thành Pê-téc-bua*, v.v...

Khuynh hướng hiện thực cũng xuất hiện và ngày càng hoàn thiện trong sáng tác của một số nhà văn, nhà thơ Nga khác. Trong những năm 1850-1860 chủ nghĩa hiện thực phê phán đạt đến đỉnh cao với nhiều tác phẩm sâu sắc về nội dung và

<sup>(\*)</sup> PGS - TS, Phòng Khoa học & Bồi dưỡng, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội

xuất sắc về trình độ thể hiện nghệ thuật như *Cha và con*, *Đêm trước*, *Tổ quý tộc*, *Lại một lần nữa* (Tuócghênhêp); *Ai sống sung sướng ở nước Nga*, *Hồ chết*, *Bị đánh bại bởi một sự mất mát không gì bù đắp nổi*, v.v... (Nhêkraxôp); *Tội ác và trừng phạt*, *Những kẻ điên*, *Vì thành niên*, *Đấu thủ* (Đốxtôépki) v.v...

Vào những năm 1870-1880 xuất hiện những tác phẩm kiệt xuất của các nhà văn nổi tiếng thế giới như Mamin-Xibirniak, Xaltukóp, Lép Tônxtôi, Trêkhốp. Chiếm vị trí chính trong văn xuôi Nga lúc bấy giờ là những tác phẩm bất hủ của Lép Tônxtôi như *Chiến tranh và hòa bình*, *Anna Karênhina*, *Phục sinh* và những tác phẩm trào phúng của Trêkhốp như *Cuộc sống của tôi*, *Đào Xakhalin*, *Người đàn bà không có định kiến*, *Câu chuyện buồn chán*, *Anh béo và anh gầy*, v.v...

Như vậy, cùng với tên tuổi của Puskin, nền văn học Nga thế kỷ XIX đã sánh vai cùng với nền văn học Tây Âu. Tiếp theo sau ông, Lécmonôtóp, Gôgôn và những nhà văn khác đã gây được sự chú ý của toàn thể loài người tiến bộ. Những tác phẩm của họ đã có một tầm cỡ hết sức to lớn trong nửa sau thế kỷ XIX. Những tác phẩm đó đã dạy cho người ta tinh thần trách nhiệm to lớn trước Tổ quốc và nhân dân, sự cao thượng về tinh thần chủ nghĩa nhân đạo thực sự. Trong thời gian này, dưới ảnh hưởng của xu hướng dân chủ hóa quyết liệt trong sáng tạo nghệ thuật, nền văn học Nga đã đề cập tới những vấn đề xã hội phức tạp, tới sự thay đổi xã hội. Trong những điều kiện như vậy, những sáng tác của Puskin là độc nhất vô nhị. Tiếp đến là sự chuyên môn hóa tương đối mạnh mẽ trong văn học theo các hướng và các thể loại khác nhau. Lép Tônxtôi đi vào văn học như là nhà sáng tạo ra thiên tiểu thuyết

hoành tráng có một không hai *Chiến tranh và hòa bình*. Mọi nỗ lực và tài năng của ông dành cho văn xuôi thật là đáng kinh ngạc. Ôxt rôpxki thể hiện mình chỉ trong sáng tác kịch. Chủ nghĩa hiện thực của Tuócghênhêp mang đậm màu sắc trữ tình nhưng lại mất đi sự giàu có về tình hình ảnh của Lép Tônxtôi hoặc tình bi kịch của Đốxtôépki.

Từ những điều đã nói ở trên có thể thấy rằng: Các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ XIX là rất phong phú và đồ sộ cả về nội dung cũng như về hình thức thể hiện, do vậy trong khuôn khổ bài viết nhỏ này chúng tôi không có tham vọng đi sâu vào phân tích tất cả những tác phẩm của giai đoạn này. Chúng tôi chỉ xin giới hạn sự phân tích đối tượng nghiên cứu của mình (chức năng tu từ của từ trái nghĩa) trong những tác phẩm đã nhắc đến ở trên của một số nhà văn, nhà thơ Nga tiêu biểu như Puskin, Lécmonôtóp, Gôgôn, Tuócghênhêp, Lép Tônxtôi, và Trêkhốp.

## 1.2. Khái niệm về từ trái nghĩa từ vựng

Từ vựng học chiếm một vị trí quan trọng trong ngôn ngữ học nói chung và trong tiếng Nga nói riêng. Các công trình nghiên cứu đã cho thấy các nhà ngôn ngữ học hiện nay đang thật sự quan tâm tới những khả năng sử dụng những lớp từ, nhóm từ này hay những lớp từ, nhóm từ khác, trong đó có cả những từ trái nghĩa. Từ trái nghĩa (TTN), hay còn được gọi là những từ với những nghĩa đối lập nhau, đã trở thành đối tượng nghiên cứu của ngôn ngữ học nói chung. Trong Nga ngữ học, mối quan tâm của các nhà nghiên cứu đối với từ trái nghĩa ngày càng tăng. Có thể nêu ra ở đây hàng loạt công trình nghiên cứu chuyên khảo về hiện tượng từ trái

nghĩa [6,5]; [7,225]; [10,66]; [5,20]; [3,59,IV]; [12,202]; [11,64]; v.v...

Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, TTN phản ánh sự đặc sắc, độc đáo của ngôn ngữ. Ý nghĩa của TTN là rất lớn. Nghiên cứu TTN là một việc rất cần thiết trong quá trình nắm một ngôn ngữ và trong việc nâng cao trình độ văn hóa lời nói. Chúng ta có thể nghiên cứu từ trái nghĩa trong các tác phẩm văn học Nga thế kỷ XIX ở nhiều bình diện khác nhau, ví dụ, các đặc điểm ngôn ngữ của chúng, bao gồm: các dạng kết nối lôgic, các nhóm từ vựng - ngữ nghĩa của chúng, mối liên hệ giữa hiện tượng TTN với hiện tượng từ đa nghĩa trong các TTN được xem xét, mối liên hệ giữa hiện tượng TTN với hiện tượng từ đồng nghĩa, các loại TTN được nghiên cứu dựa theo đặc điểm từ vựng- Ngữ pháp của chúng, theo cấu trúc, hiện tượng phân cực về ý nghĩa của các TTN, đặc điểm ngữ nghĩa, văn phong tu từ của chúng v.v...

Do khuôn khổ bài báo có hạn, chúng tôi chỉ có thể xem xét một trong rất nhiều bình diện đã nêu ở trên. Đó là chức năng tu từ của TTN trong các tác phẩm văn học Nga thế kỷ XIX.

Khái niệm TTN được hiểu theo nhiều cách khác nhau, nhưng về cơ bản thì những cách hiểu đó là giống nhau. Có thể nêu ra ở đây một số định nghĩa TTN. Rôđental cho rằng: "Từ trái nghĩa là những từ có ý nghĩa đối lập nhau." [7,225,ch.II]. Sanxki [11,64] và Kônônhenkô [4,115] cho rằng "Từ trái nghĩa là những từ có vô âm thanh khác nhau, thể hiện những khái niệm đối lập nhau nhưng lại có quan hệ hỗ tương".

Những định nghĩa trên ở một chừng mực nào đó giống với định nghĩa do Belasapkôva đưa ra: "Hiện tượng từ trái nghĩa là sự thể hiện tính đối lập trong

cùng một thực thể. Khi phân biệt thực thể này hay thực thể khác, từ trái nghĩa giống như các dấu hiệu của một thể thống nhất bị chia đôi ra làm thành hai sự đối lập, đồng thời chúng xác định các phẩm chất, các thuộc tính, các hành động và chỉ ra môi liên hệ không thể tách biệt được của sự đối lập." [2]

Từ những điều đã trình bày ở trên chúng ta thấy rằng, TTN đưa vào trong ý nghĩa đối lập những khái niệm loại trừ lẫn nhau nhưng đồng thời lại có quan hệ tương hỗ với nhau. Ví dụ, những từ "lạnh" và "nóng" đều là những từ chỉ sự đo nhiệt độ nhưng giữa chúng tồn tại những sự khác nhau về nhiệt độ cũng như giới hạn của sự đánh giá nhiệt độ.

Có thể nói rằng, trong các định nghĩa khác nhau được một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ học đưa ra đều tồn tại những khái niệm chung mà ý nghĩa của chúng chỉ ra rằng, những TTN thể hiện sự đối lập trong cùng một thực thể đều có những đặc điểm chung và đồng thời có những đặc điểm riêng, khu biệt những sự vật, hiện tượng, thuộc tính nào đó.

Theo chúng tôi, định nghĩa TTN do Xtepanốp đưa ra có khả năng khái quát tất cả những ý nghĩa cũng như mối quan hệ của TTN. Dựa trên cơ sở tâm lý học của các liên tưởng đối lập và cơ sở lôgic tạo nên những khái niệm đối lập theo từng loại, Xtepanốp đã đưa ra định nghĩa sau: "Từ trái nghĩa là những từ đối lập nhau theo nghĩa biểu niệm" [9,28]. Xtepanốp cho rằng, ý nghĩa đối lập cần phải là ý nghĩa biểu niệm phản ánh trong ngôn ngữ sự khác nhau của các vật thể và các hiện tượng của thực tế khách quan. Định nghĩa của Xtepanốp thể hiện đặc trưng có tính chất hệ thống của các TTN, khả năng của

chung trong việc liên kết các mối quan hệ từ vựng- Ngữ nghĩa khác nhau.

### 1.3. Từ trái nghĩa trong các tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ XIX

Sáng tác của các nhà văn, nhà thơ Nga thế kỷ XIX đã phản ánh tất cả mọi mặt của đời sống xã hội Nga đương thời. Sự phong phú về nội dung được phản ánh trong những hình thức biểu hiện nghệ thuật khác nhau. Nét sáng tác độc đáo của Puskin, đặc biệt là văn xuôi, được phản ánh trong sự miêu tả một cách chính xác và điều luyện các nhân vật và môi trường bao quanh họ. Các tác phẩm của Gôgôn và Trékhốp toát lên sự trào phúng. Tiếng cười của họ, một hình thức của chủ nghĩa hiện thực phê phán, đã trở thành hiện tượng lớn nhất của đời sống văn học- Tư tưởng của thời đại. Tiểu thuyết *Chiến tranh và hòa bình* của Lép Tônxtôi thể hiện tiếng nói riêng, độc đáo của tác giả và những sự đối lập tương phản. Ngoài ra, trong các tác phẩm giai đoạn này, nội dung tư tưởng cũng như sự phong phú về ý tưởng kết hợp hài hòa một cách tuyệt vời với sự hấp dẫn, lý thú về chủ đề và với bố cục sinh động, cân đối một cách lý tưởng. Các nhà văn, nhà thơ Nga giai đoạn này đã biết đi sâu, đi sát với từ ngữ cũng như với tinh thần của nhân dân. Họ đã góp phần tích cực trong việc phát triển tiếng Nga và nhờ đó họ đã tạo nên một nền nghệ thuật Nga xuất sắc. Đó là kho báu của văn phong đặc trưng kiểu Nga, kho báu của các phương tiện biểu cảm của ngôn ngữ Nga, các thủ thuật khái quát hóa một cách nghệ thuật cũng như sự phản ánh thực tế một cách hình ảnh. Do những vấn đề vừa nêu ra ở trên, việc nghiên cứu cách sử dụng các TTN trong các tác phẩm văn học Nga ở giai đoạn này, theo chúng tôi, là một việc cần

thiết, bởi đây là một hiện tượng ngôn ngữ thú vị nhất và cũng rất đặc trưng cho tiếng Nga.

Trong bài viết này chúng tôi chỉ xin dừng lại phân tích một vấn đề : Đó là việc các TTN trong các tác phẩm văn học Nga thế kỷ XIX đã được sử dụng như thế nào về mặt chức năng tu từ.

## 2. Chức năng tu từ của các từ trái nghĩa trong các tác phẩm văn học Nga thế kỷ XIX

### 2.1. Đối lập khái niệm (*antiteza*)

Antiteza (gốc từ tiếng Hy Lạp là antithesis - đối lập) là một thủ pháp tu từ được xây dựng trên sự đối lập của các khái niệm được đưa ra so sánh với nhau (sự đối lập các sự vật, hiện tượng, đặc điểm).

Trong số các TTN được chúng tôi nghiên cứu có thể đưa ra được một số cấu trúc antiteza mà sự sử dụng chúng thể hiện các ý nghĩa đối lập dựa trên đặc tính của chúng.

2.1.1. Antiteza có thể được sử dụng như một phương tiện mô tả có tính chất trào phúng hoặc mỉa mai, đặc biệt khi cấu trúc cú pháp hình thức của antiteza vẫn được giữ nguyên nhưng mối liên hệ về mặt nội dung lôgic của các khái niệm bị phá vỡ. Dưới đây xin trích dẫn vài ví dụ để chứng minh cho điều này.

"Иван Иванович худощав и высокого роста. Иван Никифорович немного ниже, но зато распространяется в толщину. Голова у Ивана Ивановича похожа на рельку хвостом вниз. Голова Ивана Никифоровича - на рельку хвостом вверх. Иван Иванович несколько боязливого характера. У Ивана Никифоровича, напротив того, шаровары в таких широких складках, что если бы раздуть их, то в них можно бы поместить двор с амбарами и строением." {Гоголь, 1986, 118}.

(Ivan Ivanovich gầy gò và cao; Ivan Nikiphorovich thấp hơn một chút, nhưng lại phát triển bề ngang. Đầu của Ivan Ivanovich trông giống như củ cải, đuôi tóc cứ chúc xuống; đầu của Ivan Nikiphorovich trông giống như củ cải nhưng đuôi tóc cứ vênh ngược lên ... Ivan Ivanovich tinh cách hơi nhút nhát. Ngược lại, ông quân của Ivan Nikiphorovich rộng thùng thình đến nỗi nếu thổi chúng phồng lên thì có thể chứa cả khu sân cùng với các nhà kho và nhà ở)<sup>11</sup>

Trong đoạn văn nêu trên, Gôgôn khi mô tả chân dung các nhân vật đã sử dụng thủ pháp phóng đại đến mức lỗ bịch với sự so sánh nổi tiếng: "Đầu của Ivan Ivanovich trông giống như củ cải, đuôi tóc cứ chúc xuống; đầu của Ivan Nikiphorovich trông giống như củ cải nhưng đuôi tóc cứ vênh ngược lên". Việc sử dụng thủ pháp antiteza đã làm sáng tỏ thủ thuật hài hước của Gôgôn trong việc đối lập những sự vật, hiện tượng thuộc các lĩnh vực khác nhau và không thể đối chiếu với nhau được: "Ivan Ivanovich tinh cách hơi nhút nhát. Ngược lại, ông quân của Ivan Nikiphorovich rộng thùng thình đến nỗi nếu thổi chúng phồng lên thì có thể chứa cả khu sân cùng với các nhà kho và nhà ở".

2.1.2. Antiteza được sử dụng để nhấn mạnh một ý tưởng được nói ra, để tăng cường tính biểu cảm của lời nói. Ví dụ:

"Меня так же мало радует твой выигрыш, как огорчает проигрыш." (Толстой Л.Н., 1980, 93) - (Sự thắng cuộc của anh ít làm tôi vui cũng như sự thua cuộc của anh ít làm tôi buồn).

"Мы робки и добры душою.

Ты зол и смел - ставь же нас." (dẫn theo 6,312)

(Tâm hồn chúng tôi hiền lành và nhút nhát

Tâm hồn anh độc ác và gan lý, hãy buông tha chúng tôi.)

Trong khổ thơ này, Puskin đã sử dụng các TTN là các tính từ ngắn đuôi để nhấn mạnh sự khác biệt giữa xã hội thượng lưu mà đại diện là Alêkô "Ты зол и смел ..." và phong cách sinh hoạt giản dị của nhân dân mà đại diện là ông già Digan "Мы робки и добры ..." "Hãy buông tha chúng tôi". Lời kết án cuối cùng này của ông già Digan là dành cho Alêkô.

2.1.3. Với tư cách là một thủ pháp tu từ được xây dựng trên sự đối lập của các khái niệm được đem ra so sánh, antiteza còn được sử dụng để chỉ những cách dùng từ đối lập nhau về nghĩa mà trong đó thể hiện bản chất mâu thuẫn của cái được thể hiện cũng như sự không tương hợp nhau giữa các mặt của cùng một sự vật, hiện tượng hoặc giữa chính các sự vật, hiện tượng với nhau.

Có thể nêu ra đây một vài ví dụ sau:

"... Где нет ни истинного счастья  
и долговечной красоты,

Где преступления лишь да казни,

Где страсти мелкой только жить

Где не умеют без боязни

и ненавидеть, ни любить ..."

{Лермонтов, 1984}

Con quý trong "Con quý" nói: "Я царь познания и свободы ..." - Ta là ông vua của "nhận thức và tự do". Đây là sự khẳng định tư cách cá nhân một cách kiêu hãnh; tư cách đó đối lập với cái trật tự xã hội phản động mà con quý đã phê phán một cách đùng đả:

"Где не умеют без боязни

и ненавидеть, ни любить"

<sup>11</sup> Những lời dịch trong bài này là của tác giả bài viết.

(Nói con người không hề biết yêu cũng không hề biết ghét mà lại không sợ hãi)

2.1.4. Antiteza có thể được sử dụng đồng thời trong cùng một vài cặp TTN khác nhau. Ví dụ:

"Один Кутузов ... открыто говорил своё мнение о том, что новая война не может улучшить положение и увеличить славу России, а только может ухудшить её положение и уменьшить ту высшую степень славы, на которой, по его мнению, теперь стояла Россия." {dẫn theo 6, 296} - (Chỉ có một mình Kutudốp bày tỏ một cách công khai ý kiến của mình rằng cuộc chiến tranh mới không thể cải thiện tình hình và nâng cao thêm vinh quang của nước Nga mà chỉ có thể làm xấu đi tình hình và làm giảm đi cái mức độ vinh quang, mà theo ông, nước Nga đang có hiện nay).

Trong đoạn văn vừa trích dẫn, các TTN - các động từ - được Tônxtôi sử dụng dưới hình thức antiteza "улучшить-ухудшить" và "увеличить - уменьшить" nhằm để nhấn mạnh vai trò cũng như tầm nhìn xa của Kutudốp và đường lối chiến lược của ông trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại 1812 chống đội quân xâm lược Napôléông. Kutudốp hiểu và nhận thức rõ rệt hơn những người đồng thời của ông cái tình thế nguy hiểm đang treo lơ lửng trên đầu nhân dân và Tổ quốc ông. Gánh vế phần mình toàn bộ gánh nặng của trách nhiệm cứu đất nước, ông, với tư cách là một nhà chiến lược, nhà chiến thuật quân sự vĩ đại và đồng thời là một công dân Nga giản dị, bình thường, trong lúc tiếp tục cuộc chiến đấu của mình đã phân tích ý nghĩa của cuộc chiến tranh và sự nguy hiểm của nó đối với nước Nga.

Lécmonốp trong bài thơ *Suy tưởng* đã sử dụng cặp TTN là danh từ "добро-зло":

"К добру и злу постыдно  
равнодушны

В начале порица мы вянем без  
борьбы;

Перед опасностью позорно  
малодушны

И перед властью - презренные  
рабы" {Лермонтов, 1984}

Với sự sử dụng cặp TTN danh từ "добро-зло" (cái thiện - cái ác), Lécmonốp đã ném vào tầng lớp thanh niên đương thời một sự lên án đích đáng. Ông phê phán họ có thái độ bàng quan đối với cái thiện và cái ác và không có lập trường kiên định cũng như không có khả năng hành động.

2.1.5. Antiteza còn được sử dụng như một thủ pháp tu từ để chỉ bản chất mâu thuẫn của các hiện tượng cũng như phép biện chứng của cuộc sống. Cách sử dụng này đặc biệt thành công ở các tác phẩm của Lécmonốp.

"И ненавидим мы, и любим мы  
случайно,

Ничем не жертвуя ни злобе, ни  
любви,

И царствует в душе какой-то холод  
тайный

Когда огонь кипит в крови."

{Лермонтов, 1984, 86}

Chỉ trong một khổ thơ mà người đọc đã gặp các TTN dưới dạng antiteza là "ненавидеть-любить" - (căm thù - yêu) và "холод-огонь" - (sự lạnh lùng, ngọn lửa). Chúng được nhà thơ sử dụng để bày tỏ sự phê phán gay gắt của mình. Nhà thơ lên án những người đương thời bởi họ có tâm hồn lạnh lùng, bởi họ không biết cống hiến cho một điều cao đẹp nào đó với tất cả niềm say mê (ngọn lửa), bởi sự vô bổ về tư tưởng và vô hiệu quả trong sáng tạo.

"Я глубоко чувствовал добро и зло: никто меня не ласкал, все оскорбляли. Я стал злопа-мятен: я был угрюм, - другие дети веселы и болтливы; Я чувствовал себя выше их - меня ставили ниже. Я сделался завистлив. Я был готов любить весь мир, - меня никто не понял: Я выучился ненавидеть." (Лермонтов, 1984, 428). (Tôi cảm thấy một cách sâu sắc cái thiện và cái ác; không ai yêu mến tôi, tất cả đều làm tôi bị tổn thương. Tôi trở nên đầy hận thù; tôi luôn buồn bực. Những đứa trẻ khác thì nói cười vui vẻ. Tôi cảm thấy mình cao quý hơn chúng nhưng người ta lại hạ thấp tôi hơn. Tôi trở nên hay ghen tỵ. Tôi sẵn sàng yêu quý cả thế giới nhưng chẳng ai hiểu được tôi: Do vậy, tôi đã học được cách biết căm thù.)

Chỉ trong một đoạn văn ngắn, nhà thơ đã sử dụng nhiều cặp TTN, những cặp từ này được biểu hiện bằng những từ loại khác nhau như cặp TTN - danh từ "добро-зло", cặp TTN tính từ "угрюмы-веселы" ở dạng ngắn đuôi, cặp TTN trạng từ "вышениже" ở dạng so sánh hơn kém và cặp TTN động từ "любить-ненавидеть". Sự sử dụng những cặp từ chỉ đối lập khái niệm này này cho phép người đọc hiểu được mâu thuẫn nội tâm của Pêtrôrin và sự nổi loạn đặc biệt độc đáo của anh. Pêtrôrin được sinh ra với trái tim cháy bỏng có khả năng cảm nhận sâu sắc và phê phán gay gắt chính bản thân mình và những người khác. Với thủ pháp dùng từ hết sức nghệ thuật của mình, Lécmonôp đã thành công trong việc lột tả cuộc đấu tranh nội tâm của Pêtrôrin. Đó là cuộc đấu tranh giữa tình cảm chân thành nảy sinh trong sâu thẳm tâm hồn của chàng với sự bàng quan, chai sạn đã trở thành thói quen cứng của chính tâm hồn chàng.

## 2.2. Từ trái nghĩa như một thủ pháp tu từ được sử dụng để phản ánh tình cảm sinh động của lời nói

Đã từ lâu TTN được sử dụng như một thủ pháp tạo ra những hình ảnh tương phản, tạo ra sự đối lập gay gắt giữa các đặc điểm, hiện tượng v.v... Để làm sáng tỏ những sự đối lập tương phản, lẽ dĩ nhiên cần có những điều kiện đặc biệt, văn cảnh đặc biệt mà trong đó việc sử dụng các TTN từ vựng làm cho lời nói trở nên biểu cảm hơn, sinh động hơn và nó cho phép nghiên cứu và mô tả từ mọi góc độ các hành động, phẩm chất của sự vật, hiện tượng của thực tế khách quan.

Chúng ta thử so sánh các ví dụ sau đây: (1) "Кругом не слышалось почти никакого шума ... Лишь изредка в близкой реке с внезапной звучностью плеснет большая рыб" (Тургенев, 1986, 64) - (Xung quanh không hề nghe thấy tiếng động nào ... Chỉ ở đằng xa bỗng có tiếng cá quẫy trong một khúc sông); (2) "И небо там, над скалами и пропастями, кажется таким далеким и недосыгаемым, как будто оно отступилось от людей". (1,362,t.I) - (Và bầu trời ở trên cao kia, trên những tảng đá và các bờ vực thẳm, có cảm giác xa xôi thẳm thẳm đến nỗi dường như cách biệt hẳn thế giới của con người). Ở đây những TTN ở cấp độ ngôn ngữ "близкий-далёкий" không phải là những TTN biểu cảm; chúng đơn giản chỉ là những từ dùng để chỉ khoảng cách đối lập (близкий- Ở gần, trong một khoảng cách nhỏ; далёкий- Ở hoặc diễn ra trong một khoảng cách lớn).

Thế nhưng, tình hình sẽ khác đi rất nhiều khi chúng ta xem xét một đoạn văn khác được trích từ tiểu thuyết *Anna Karênhina* của Lép Tônxtôi:



"Как за минуту тому назад она была близка ему, как важна для его жизни! И как теперь она стала чужда и далека ему!" (đến theo 6.44;- (Mỗi chỉ một phút trước đây thôi nâng đôi với chàng gần gũi biết bao, nâng quan trọng đôi với cuộc đời của chàng biết bao! Thế mà ngay lập tức nâng trở nên xa lạ đôi với chàng biết bao!).

Trong đoạn văn này cặp TTN "близкий-далёкий" đã được nhà văn thiên tài sử dụng như những TTN biểu cảm để nhấn mạnh những cung bậc tình cảm khác nhau. Khi thì chạy bùng, khi thì hồ hững giữa Anna Karênhina và Vronxki.

Tương tự như vậy, nếu như trong đoạn văn "Вот, вот ... по этой вашей логике мир состоит из двух антагонических цветов - чёрного и белого" - (Thế đây, thế đấy ... theo lôgich của ông thì thế giới bao gồm hai màu đối kháng- Đen và trắng), cặp TTN "чёрный-белый" không có màu sắc biểu cảm. Chúng chỉ là những từ các màu sắc tương phản nhau. Nhưng trong đoạn văn sau, được trích ra từ tiểu thuyết *Người con da đen của Piôt Đại đế*, cặp TTN "чёрный-белый" lại có màu sắc biểu cảm:

"Как скоро положение графини стало известно, толки начались с новой силой. Чувствительные дамы ахали от ужаса: мужчины бились об заклад, кого родит графиня : белого ли, или чёрного ребёнка." (Пушкин,1978;- (Chẳng bao lâu tình trạng của nữ bá tước đã trở nên lộ liễu, những lời xì xào, bàn tán lại rộ lên. Các quý bà yếu bóng vía kêu ối lên vì sợ hãi; cánh đàn ông thì đánh cuộc với nhau về việc nữ bá tước sẽ sinh con) như thế nào: một đứa bé da đen hay da trắng).

Trong đoạn văn trích này, cặp TTN "чёрный-белый" được sử dụng không đơn giản như là những tên gọi màu da, mà còn

như là sự vạch trần một cách cô hình ảnh cuộc sống phê phán của xã hội thượng lưu, một xã hội mà những người quý tộc ngồi mát ăn bát vàng, cuộc sống không có mục đích, do vậy họ luôn luôn háo hức chờ đón hoặc là những sự thêu dệt, bịa đặt về một việc gì đó, hoặc là những vụ scandan trong cái xã hội của họ.

Chúng ta thử xem xét cách sử dụng các danh từ "буря", "покой" trong các câu thơ trích dẫn sau:

"Буря мглою небо кроет" (Пушкин (а), 1984, 195) và "Я поднял глаза к небу - но и в небе не было покоя : испещренное звёздами, оно шевелилось, двигалось, содрогалось." (1,247.T1). Trong các ví dụ trên, các từ "буря", "покой" có nghĩa đen (bão tố và trời lặng gió). Thế nhưng, trong bài thơ nổi tiếng *Cánh bướm* của Lécmonôtốp thì cặp danh từ trên được sử dụng như những tương phản như những TTN biểu cảm:

"Под ним струя светлей лазури,  
Над ним луч солнца золотой ...  
А он, мятежный, просит бури,  
Как будто в бурях есть покой!"

Dịch nghĩa:

Dưới bướm mặt nước sáng trong hơn ngọc bích

Trên bướm ánh mặt trời vàng rực rỡ

Còn cánh bướm, một kẻ nổi loạn, lại cầu xin bão tố

Đường như trong bão tố có bình yên

Trong khổ thơ này, những TTN (bão tố, bình yên) làm cho lời thơ trở nên sống động hơn, biểu cảm hơn. Ở đây, những từ này được nhà thơ sử dụng như một thủ pháp tu từ để làm sáng tỏ một cách hình ảnh nghĩa bóng của từ. Cặp TTN "буря-покой" nhấn mạnh mâu thuẫn nội tâm và



ting thần phản kháng của tầng lớp thanh niên tiến bộ đương thời. Họ không hài lòng với cuộc sống trống rỗng, với hạnh phúc bề ngoài. Họ khao khát đi tìm tự do, khao khát lập chiến công trong đấu tranh ("bão tố") để giành lấy hạnh phúc chân chính ("gió lạnh").

### 2.3. Hiện tượng ôxymôrôn

Ngoài ra, trên cơ sở của hiện tượng TTN, các nhà văn, nhà thơ còn sử dụng các từ tuy không phải là TTN nhưng có ý nghĩa đối lập nhau như một thủ pháp tu từ để tạo ra thủ thuật ôxymôrôn. Ôxymôrôn (nguồn gốc từ tiếng Hy Lạp là oxymoron) là một thủ pháp tu từ bao gồm sự kết hợp những từ có ý nghĩa đối lập nhau và hoàn toàn không có thể kết hợp với nhau được trong những văn cảnh bình thường, những nghĩa này làm sáng tỏ một cách hình ảnh những nhân tố mâu thuẫn nhau và loại trừ nhau trong cái được biểu đạt [6,25].

Theo ý kiến của N.M. Sanxki, ôxymôrôn "là sự kết hợp từ thể hiện những khái niệm đối lập nhau về mặt logic và do vậy, có cảm giác như đó là những khái niệm không thể dung hợp với nhau được. Một thủ pháp nghệ thuật như vậy cho phép nhấn mạnh một cách đặc biệt trực quan, và đồng thời, một cách biểu cảm, bản chất biện chứng của hiện tượng này hay hiện tượng khác, cho phép đưa ra được toàn bộ sự phức tạp và mâu thuẫn của hiện thực được mô tả" [11,67]. Dưới đây chúng ta thử xem xét một vài ví dụ trong các tác phẩm văn học Nga thế kỷ XIX. Chúng ta gặp kết hợp "бездельник деловой" trong khổ thơ sau:

"Как брань тебе не надоела  
Расчёт короток мой с тобой:  
Ну так, я празден, я без дела,  
А ты: бездельник деловой"  
{dẫn theo 11, 68}

Dịch nghĩa :

Lời trách mắng không làm cho cậu chán sao?

Mọi điều giữa tôi với cậu cũng dễ hiểu thôi mà:

Vâng, thì tôi phê phỡn, nhớn nhợ,

Còn cậu- Một kẻ vô công rồi nghề chuyên nghiệp

Ở đây chúng ta thấy, tác giả kết hợp danh từ бездельник- Kẻ vô công rồi nghề, với tính từ деловой thành thạo, chuyên nghiệp. Là hai từ mà nghĩa của chúng tương trưng không thể kết hợp với nhau. Vì vậy, cái ý mà tác giả muốn phê phán "một kẻ vô công rồi nghề" càng được nhấn mạnh hơn nhiều lần: không những người đối thoại của tác giả là một kẻ "vô công rồi nghề" mà, hơn thế nữa, là một kẻ "vô công rồi nghề chuyên nghiệp, rất thành thạo trong việc ăn chơi và lười biếng".

Những kết hợp có tính chất ôxymôrôn như vậy còn gặp ở trong những khổ thơ sau:

"Как он хотел себя уверить

Что не любил её, хотел

Неизмеримое измерить,

Любви безбрежной дать предел"

{dẫn theo 11,68}

Dịch nghĩa:

Chàng muốn thuyết phục mình

Đo được cái không đo được

Và muốn giới hạn tình yêu vô bờ.

Hoặc:

"Будь счастлива несчастьем моим

И услышав, что я страдаю,

Ты не томись раскаяньем пустым,

Прости! ... Вот всё, что я желаю"

{dẫn theo 11,68}

Dịch nghĩa:

Hãy hạnh phúc bởi bất hạnh của anh

Và khi nghe rằng anh đau khổ

Em đừng ân hận hỡi huyên,

Tha lỗi cho anh! Đó là tất cả những gì  
anh mong muốn.

Ở đây chúng ta thấy, cụm từ *счастлива несчастием* - hạnh phúc bởi sự bất hạnh - xét về phương diện lôgic là không thể tồn tại được, bởi vì không ai và không bao giờ lại chấp nhận hạnh phúc trên cơ sở một bất hạnh nào đó. Thế nhưng, nhà thơ đã cố tình dùng cụm từ tương chừng như không thể kết hợp được này để nói lên nỗi cay đắng, đớn đau vì thất tình của mình, cũng như sự trách móc chua chát đối với người con gái đã phụ bạc tình yêu của nhà thơ. Và nhờ có thủ pháp tu từ này mà người đọc cảm nhận rất rõ những sắc thái tình cảm trên của nhà thơ.

### 3. Kết luận

Như vậy chúng ta thấy, nghệ thuật dùng ngôn từ của các nhà văn, nhà thơ

#### Nguồn ngữ liệu minh hoạ

1. Гоголь, *Повести*, М.: "Советская Россия", 1986.
2. Лермонтов М.Ю., *Стихотворение. Поэмы. Маскарад. Герой нашего времени*. М.: "Худо-жественная литература", 1984.
3. Пушкин А.С., *Повести Белкина*, Изд.3-ое. М.: "Русский язык", 1978.
4. Пушкин (а), *А.С Евгений Онегин*, М.: "Худо-жественная литература", 1984.
5. Пушкин (б), *С.Капитанская дочь*, М.: "Худо-жественная литература", 1984.
6. Толстой Л.Н., *Детство. Отрочество. Юность*, Лен.: "Худо-жественная литература", 1980.
7. Тургенев И.С., *Дворянское гнездо. Накануне. Первая любовь. Ужгород. "Карпати"*, 1986.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Словарь русского языка в четырёх томах*. М: "Русский язык", 1981.
2. *Елошапков В.А. Современный русский язык*, Изд.2-ое. М: "Высшая школа", 1989.
3. Калинин А.В., *Лексика русского языка*, Изд.3-ое. М: "Московский университет", 1978.

4. Кононенко В.И. и др. *Русский язык*. Киев, "Вища школа", 1978.
5. Лекант П.А. *Современный русский литературный язык*, Изд.2-ое. М.: "Высшая школа", 1988.
6. Львов М.Р. *Словарь антонимов русского языка*, Изд.2-ое. М.: "Русский язык", 1984.
7. Розенталь Д.Э. *Современный русский язык*, Изд. "Московский университет", 1971.
8. Соколов А.И. *История русской литературы X-X века*, М.: "Высшая школа", 1970.
9. Степанов Ю.С. *Основы общего языкознания*. М.: "Просвещение", 1975.
10. Фомина М.И. *Лексика современного русского языка*. М.: "Высшая школа", 1973.
11. Шанский Н.М. *Лексикология современного русского языка*, М.: "Просвещение", 1972.
12. Шмелёв Д.Н. *Современный русский язык. Лексика*, М.: "Просвещение", 1977.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, Foreign Languages, T XIX, No.3, 2003

## STYLISTIC FUNCTIONS OF ANTONYMS USED IN 19<sup>TH</sup>-CENTURY RUSSIAN LITERARY WORKS

Assoc. Prof. Dr. Nguyen Thi Hoai Nhan

*Scientific Research Management Office*

*College of Foreign Languages- VNU*

The paper introduces a study of the use of antonyms in the 19th-century Russian literary works by Russian famous poets and writers such as Pushkin, Lermontov, Tolstoi, etc. in terms of their stylistic functions. Antonyms used by those Russian writers and poets serve the following functions: (1) antithesis for (a) describing events in a satirical manner, (b) highlighting thoughts, (c) highlighting the contradictory nature of the described; (2) reflection of the vivid emotional expression of speech; and (3) creation of oxymoron technique - the combination of antonyms which is impossible in ordinary contexts. Through this paper, the author shows readers the extraordinary linguistic talent of Russian poets and writers in this period.